



## **ĐẶC THÙ GIỚI Ở VIỆT NAM VÀ BẢN SẮC DÂN TỘC: NỖI ĐAU VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHỤ NỮ**

VƯƠNG XUÂN TÌNH

Đọc những công trình nghiên cứu có giá trị về khoa học xã hội, đôi khi tôi thường tự đặt cho mình một nhiệm vụ cần tìm hiểu: Con đường dẫn tới thành công của tác giả như thế nào? Đường thì mỗi người mỗi ngã, song điểm xuất phát hầu như hao hao giống nhau: Đó là sự thôi thúc của khám phá, hay rõ hơn là của nhận thức. Song khi đọc tác phẩm *Đặc thù giới ở Việt Nam và bản sắc dân tộc*<sup>1</sup> của nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết, đã cho tôi một phát hiện khá thú vị: Khởi đầu của hành trình nghiên cứu lại là một nỗi đau, một trách nhiệm xã hội - tức là từ tình cảm và đạo lý, chứ chưa hẳn chỉ vì nhận thức.

*Nỗi đau* - vâng, có lẽ không còn từ nào chính xác hơn thế, để nói về tâm thế của một nhà nghiên cứu dành cho vấn đề quyền con người của phụ nữ Việt Nam. Cuốn sách tập hợp 82 bài của tác giả đã đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo... trong hơn 40 năm qua theo trật tự thời gian, với nhiều chủ đề về vấn đề giới và văn hóa tộc người ở nước ta, thì có tới quá nửa số bài liên quan trực tiếp đến nỗi đau ấy.

<sup>1</sup> Lê Thị Nhâm Tuyết, *Đặc thù giới ở Việt Nam và bản sắc dân tộc (Nhìn từ góc độ Dân tộc học)*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2010, 928 trang, khổ 15 cm x 23 cm.

Cái nỗi đau đeo đẳng tác giả trong suốt hành trình nghiên cứu là sự bất bình đẳng giới với nhiều biểu hiện và hệ lụy ở Việt Nam. Bởi thế, không phải ngẫu nhiên mà công trình khoa học được công bố đầu tiên (?) của tác giả là về *Phụ nữ và phong tục, tập quán đạo đức cũ*. Trong công trình này, tác giả đã chỉ ra những hủ tục còn rơi rớt của chế độ cũ, từ đánh vợ, tảo hôn đến mua bán trong hôn nhân... vẫn tiếp diễn tại một số làng quê đồng bằng Bắc bộ vào những năm 60 của thế kỷ trước. Các hủ tục, trong nội dung nghiên cứu phong tục tập quán dưới góc độ Dân tộc học còn được tác giả Lê Thị Nhâm Tuyết nhìn nhận trở lại nhiều lần. Cuộc đấu tranh với hủ tục vì nhân phẩm và hạnh phúc của phụ nữ thật quả không đơn giản. Có thời chúng ta đẩy hết nguồn gốc của hủ tục sang phía phong kiến thực dân và tin chắc rằng xã hội mới sẽ diệt trừ nó tận gốc, vậy mà nó vẫn dằng dai tồn tại với nhiều biến thái, lúc lập ló, lúc trâng tráo - tới mức trong một hội thảo vào đầu những năm 90, tác giả vốn là người rất tinh tế trong ứng xử mà phải thốt lên từ “vô liêm sỉ” để nói về sự xúc phạm nhân phẩm của phụ nữ ở cái thời “kinh tế thị trường”.

Nỗi đau của tác giả còn được chia sẻ với thân phận những phụ nữ bất hạnh, từ các

trẻ em gái bị lạm dụng tình dục, những người mẹ vốn quá thì nhờ lúa phải đi “xin” con và nuôi con một mình, đến những người già cô đơn, người bị nhiễm HIV/ AIDS, bị nhiễm chất độc da cam và trong đó không ít là phụ nữ. Các trang viết về những khía cạnh ấy không chỉ đảm bảo tính chặt chẽ mà còn giàu sức biểu cảm; qua đó, không chỉ đẩy lên vấn đề khoa học mà còn mang nặng nỗi lòng của tác giả.

Cùng với nỗi đau là *trách nhiệm* khoa học và công dân của tác giả với vấn đề quyền con người của phụ nữ Việt Nam. Trách nhiệm ấy trước hết là việc đề cao vai trò phụ nữ; khơi dậy những cái tốt, cái vị tha, nhân bản với phụ nữ vốn không thiếu trong xã hội truyền thống và cả đương đại. Ở lĩnh vực này, tác giả có nhiều thế mạnh từ tiếp cận Dân tộc học. Nghiên cứu chế độ mẫu quyền, về quan hệ giới trong sản xuất và sinh hoạt gia đình, cộng đồng, tác giả đã chỉ rõ vai trò thực tế của phụ nữ, và rằng việc tôn trọng phụ nữ vốn có gốc nguồn từ đời sống, để đối lập với những định kiến về phụ nữ của xã hội có giai cấp. Vai trò của phụ nữ còn được tác giả nhấn mạnh khi đề cập đến “đội quân tóc dài” ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đến các bà mẹ Việt Nam anh hùng, đến đội ngũ nữ nông dân, công nhân, trí thức. Trách nhiệm ấy càng rõ hơn trong những kiến giải của tác giả cho bình đẳng giới, cho việc cải thiện đời sống, tạo điều kiện phát triển đối với phụ nữ. Điều đó được thể hiện qua những vấn đề rất cụ thể, như chăm sóc sức khỏe sinh sản, giáo dục dân số và đời sống gia đình, giải pháp chống bạo lực gia đình, các chính sách về đặc thù giới...

Xin nói thêm: Ngoài những bài viết công bố rải rác trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo được tập hợp trong công trình đã nêu, nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết còn là tác giả, đồng tác giả và chủ biên của gần 20 đầu sách, trong đó có tác phẩm *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại* được dịch qua 4 thứ tiếng: Trung, Anh, Pháp và Nhật. Có thể nói, những công trình đó cơ bản vẫn là mối quan tâm về phụ nữ Việt Nam, với nỗi đau và trách nhiệm như đã đề cập.

Là một trong những nhà nghiên cứu hàng đầu của khoa học về phụ nữ, nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết đã vươn lên từ một tiếp cận chuyên ngành, để sau đó mở rộng sang các tiếp cận khác của khoa học xã hội. Đọc công trình *Đặc thù giới ở Việt Nam và bản sắc dân tộc* cho thấy mỗi bài mỗi vẻ, song tôi nghĩ, những bài có sức cuốn hút nhất vẫn dưới góc độ Dân tộc học. Điều đáng ngạc nhiên là những bài ấy được viết khi tác giả vào nghề chưa lâu. Sức cuốn hút của các tác phẩm có lẽ bởi nhiều yếu tố - cả nỗi đau và trách nhiệm, cả niềm say mê với nghề nghiệp, cả sự sống động do sử dụng phương pháp điền dã Dân tộc học, và cũng có thể cả sự sung sức của tác giả ở tuổi thanh xuân... Điều may mắn khi tôi viết bài này là đã từng đồng hành với nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết trên một số chặng đường điền dã, bởi vậy, có thể cảm nhận dễ hơn công trình của tác giả. Ngay ngôi nhà tôi ở hiện nay cũng chỉ cách cánh đồng là tới một điểm điền dã mà tác giả đã gắn bó cách đây gần 40 năm - làng Xuân Dục, có tên nôm là làng Vân, thuộc xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đọc các trang viết sinh động của tác giả, vẫn thấy phảng phất đâu đây mùi

hương trầm khắp xóm ngõ; thấy cảnh mời rượu, mời cơm, mời trà, mời nước bằng thơ trong ngày làng Vân đón khách quý *chạ anh Tam Tảo* - một làng cách đó cũng không xa... Khi con lốc đô thị hóa tràn về làng quê làm phai nhòa những giá trị văn hóa truyền thống khiến nhiều người nuối tiếc, càng thấy biết ơn tác giả đã góp công ghi lại các giá trị đó trong công trình khoa học.

Nếu còn điều gì muốn nhắn gửi bạn đọc ở bài viết nhỏ này, tôi chỉ muốn thêm rằng, nỗi đau và trách nhiệm của nhà Dân tộc

học Lê Thị Nhâm Tuyết với vấn đề quyền con người của phụ nữ Việt Nam còn có cội rễ từ một miền xa hơn - đó là những tháng năm *kiếm mã lên đường mai nở trắng*<sup>2</sup> trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chắc chắn có sợi dây kết nối từ đồng chí Đại đội phó phụ trách chính trị Lê Thị Nhâm Tuyết và nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết sau này. Và như vậy, đóng góp của bà cho quyền con người của phụ nữ Việt Nam có cội nguồn từ đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.



Nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết (bên trái) qua sông Lô, trên chặng đường đi đèo đã (tỉnh Tuyên Quang, năm 1993)

<sup>2</sup> Ý được trích trong câu đối của GS. Vũ Khiêu mừng thọ GS. Lê Thị Nhâm Tuyết: *Tuổi hai mươi, phận gái tài trai, kiếm mã lên đường mai nở trắng/ Xuân bảy chục, tình sông nghĩa biển, cầm tôn mừng thọ trúc thêm xanh* - theo tư liệu của PGS. TS. Hoàng Bá Thịnh trong bài viết *Thay lời giới thiệu* cuốn sách.